



Mã nhận dạng 01901

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			9	6	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
2	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			9	7	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
3	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			9	7	6.0	6.6	0012345678910	0123456789
4	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			9	8	3.5	5.4	0012345678910	0123456789
5	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD			9	7	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
6	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			9	6	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
7	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			9	8	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
8	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK			9	9	2.0	4.8	0012345678910	0123456789
9	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL							0012345678910	0123456789
10	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			9	5	0.0	2.4	0012345678910	0123456789
11	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			7	7	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
12	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			9	8	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
13	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			9	6	7.0	6.9	0012345678910	0123456789
14	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			9	4	2.5	3.6	0012345678910	0123456789
15	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			9	6	4.0	5.1	0012345678910	0123456789
16	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT			9	6	2.5	4.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01901

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			9	9	5.0	6.6	0012345●78910	012345●789
18	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			9	7	0.5	3.3	0012●45678910	012●456789
19	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			9	9	5.0	6.6	0012345●78910	012345●789
20	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			9	9	7.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
21	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			9	7	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
22	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			9	6	4.0	5.1	001234●678910	0●23456789
23	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			7	6	5.0	5.5	001234●678910	01234●6789
24	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT			9	6	6.5	6.6	0012345●78910	012345●789
25	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			9	5	2.0	3.6	0012●45678910	012345●789
26	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT			7	8	3.5	5.2	001234●678910	01●3456789
27	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			9	7	5.0	6.0	0012345●78910	●123456789
28	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			9	8	4.5	6.0	0012345●78910	●123456789
29	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			9	6	8.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
30	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			9	6	4.0	5.1	001234●678910	0●23456789
31	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD							0012345678910	0123456789
32	17154028	Phạm Tử Hùng	DH17OT			7	5	0.	2.2	001●345678910	01●3456789



Mã nhận dạng 01901

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			9	5	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
34	18153024	Nguyễn Phúc	DH18CD			9	4	0.0	2.1	0012345678910	0123456789
35	18153026	Đoàn Ngọc	DH18CD			9	8	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
36	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			9	9	5.0	6.6	0012345678910	0123456789
37	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT			7	4	1.0	2.5	0012345678910	0123456789
38	18153029	Trương Vĩnh	DH18CD			5	7	3.0	4.4	0012345678910	0123456789
39	18153027	Trần Ngọc	DH18CD			9	8	5.5	6.6	0012345678910	0123456789
40	18153030	Huỳnh Minh	DH18CD			9	8	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
41	19118103	Mai Hoàng	DH19CC			9	8	6.9	6.9	0012345678910	0123456789
42	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh	DH18CD			9	6	2.5	4.1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 42. Số sinh viên vắng 2.

Ngày 10 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

Bùi Công Hành

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01902

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 002_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154041	Nguyễn Duy	Khánh	Khánh		9	7	3.5	5.1	001234●678910	0●23456789
2	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	Khiêm		9	7	2.5	4.5	00123●5678910	01234●6789
3	17154045	Trần Đăng	Khoa	Khoa		9	8	3.0	5.1	001234●678910	0●23456789
4	18153036	Trần Việt	Khoa	Việt		9	8	4.5	6.0	0012345●78910	●123456789
5	18154056	Cao Trung	Kiên	Trung		7	6	7.0	6.7	0012345●78910	0123456●89
6	18153038	Lê Trọng	Lâm	Trọng		9	7	5.5	6.3	0012345●78910	012●456789
7	18153039	Trần Cao	Linh	Cao		9	4	6.0	5.7	001234●678910	0123456●89
8	18153041	Lâm Hoàng	Long	Hoàng		9	1	1.5	2.1	001●345678910	0●23456789
9	18153042	Lưu Hoàng	Long	Hoàng		9	3	7.5	6.3	0012345●78910	012●456789
10	18154066	Lưu Kim	Long	Kim		9	7	8.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
11	18153043	Nguyễn Thành	Long	Thành		9	6	3.0	4.5	00123●5678910	01234●6789
12	18153047	Huỳnh Minh	Mẫn	Minh		9	6	7.5	7.2	00123456●8910	01●3456789
13	18118082	Nguyễn Đình	Minh	Đình		9	5	3.5	4.5	00123●5678910	01234●6789
14	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	Hoàng		9	5	4.0	4.4	00123●5678910	0123●56789
15	18154075	Huỳnh Trọng	Nghĩa	Trọng		9	8	8.5	8.4	001234567●910	0123●56789
16	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	Đại		7	4	6.5	5.8	001234●678910	01234567●9

B



Mã nhận dạng 01902

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 002_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			9	9	9.5	9.3	0012345678●10	012●456789
18	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			9	6	6.5	6.6	0012345●78910	012345●789
19	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			9	8	6.5	7.2	00123456●8910	01●3456789
20	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			9	6	6.0	6.3	0012345●78910	012●456789
21	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			9	7	2.5	4.5	00123●5678910	01234●6789
22	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD							0012345678910	0123456789
23	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			9	7	5.0	6.0	0012345●78910	●123456789
24	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			9	6	4.0	5.1	001234●678910	0●23456789
25	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			9	8	7.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
26	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			9	8	5.0	6.3	0012345●78910	012●456789
27	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT			9	9	4.5	6.3	0012345●78910	012●456789
28	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			9	6	4.5	5.4	001234●678910	0123●56789
29	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD							0012345678910	0123456789
30	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			9	7	2.0	4.2	00123●5678910	01●3456789
31	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			9	5	4.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
32	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			9	7	3.5	5.1	001234●678910	0●23456789



Mã nhận dạng 01902

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 002_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			9	8	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
34	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			7	5	2.0	3.4	0012345678910	0123456789
35	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			7	3	2.5	3.1	0012345678910	0123456789
36	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			9	6	3.5	4.8	0012345678910	0123456789
37	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			9	8	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
38	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			9	6	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
39	18454012	Nguyễn Phan Tuấn	LT18OT			7	9	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
40	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			9	6	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
41	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			9	7	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
42	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT			9	7	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
43	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			9	7	7.0	7.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 41 Số sinh viên vắng 02

Ngày 10 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 14/12/2020

 Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01903

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_03

Tổ Thi 001_DH19OT_03

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			9	8	5.0	6.3	0012345●78910	012●456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			9	3	1.0	2.4	001●345678910	0123●56789
3	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			9	3	2.0	3.0	0012●345678910	●123456789
4	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			9	9	5.0	6.6	0012345●78910	012345●789
5	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			9	6	6.0	6.3	0012345●78910	012●456789
6	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			7	6	6.0	6.1	0012345●78910	0●23456789
7	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL							0012345678910	0123456789
8	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			7	4	1.5	2.8	001●345678910	01234567●9
9	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			7	6	1.5	3.4	0012●345678910	0123●56789
10	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			9	8	2.0	4.5	00123●45678910	01234●6789
11	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			9	7	4.0	5.4	001234●5678910	0123●56789
12	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			9	9	3.0	5.4	001234●5678910	0123●56789
13	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			7	6	2.0	3.7	0012●345678910	0123456●89
14	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			7	9	3.5	5.5	001234●5678910	01234●6789
15	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			9	8	4.5	6.0	0012345●678910	●123456789
16	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			9	6	2.0	3.9	0012●345678910	012345678●



Mã nhận dạng 01903

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_03

Tổ Thi 001_DH19OT_03

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154024	Võ Văn	Đô	DH19OT		9	8	5.5	6.6	0012345●78910	012345●789
18	19154027	Nguyễn Hoài	Đức	DH19OT		9	8	6.0	6.9	0012345●78910	012345678●
19	19154029	Nguyễn Việt	Đức	DH19OT		9	5	4.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
20	19154038	Huỳnh Đạo	Hạnh	DH19OT		9	8	5.5	6.6	0012345●78910	012345●789
21	19154041	Đào Đức	Hiền	DH19OT		9	4	6.0	5.2	001234●678910	0123456●89
22	19154042	Nguyễn Thanh	Hiền	DH19OT						0012345678910	0123456789
23	19154050	Hà Ngọc Quốc	Hoàng	DH19OT		9	3	5.5	5.1	001234●678910	0●23456789
24	19154051	Lê Quang	Hoàng	DH19OT		9	9	4.5	6.3	0012345●78910	012●456789
25	19154053	Đoàn Phi	Hùng	DH19OT		7	8	2.5	4.6	00123●5678910	012345●789
26	16118065	Phạm Tuấn	Huy	DH16CK		9	6	3.0	4.5	00123●5678910	01234●6789
27	19154060	Trần Quang	Huy	DH19OT		9	6	3.5	4.8	00123●5678910	01234567●9
28	19154063	Trịnh Nhật	Huy	DH19OT		7	4	4.5	4.6	00123●5678910	012345●789
29	19154065	Diệp Vĩ	Khang	DH19OT		9	6	5.0	5.7	001234●678910	0123456●89
30	19154071	Võ Minh	Khang	DH19OT		9	8	2.5	4.8	00123●5678910	01234567●9
31	19154072	Hồ Trường Quốc	Khánh	DH19OT		9	6	4.0	5.1	001234●678910	0●23456789
32	19154073	Nguyễn Duy	Khánh	DH19OT		9	8	6.0	6.9	0012345●78910	012345678●



Mã nhận dạng 01903

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_03

Tổ Thi 001_DH19OT_03

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			9	5	2.0	3.6	0012●45678910	012345●789
34	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT			9	5	2.0	2.4	001●345678910	0123●56789
35	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			9	7	5.5	6.3	0012345●78910	012●456789
36	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			9	4	3.5	4.2	00123●5678910	01●3456789
37	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			7	5	6.5	6.1	0012345●78910	0●23456789
38	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			9	5	4.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
39	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT			9	6	5.5	6.0	0012345●78910	●123456789
40	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			9	7	1.0	3.6	0012●45678910	012345●789
41	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT			7	7	1.5	3.7	0012●45678910	0123456●89
42	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			9	6	2.5	4.2	00123●5678910	01●3456789
43	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT							0012345678910	0123456789
44	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT			9	7	8.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
45	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT			9	6	6.5	6.6	0012345●78910	012345●789



Mã nhận dạng 01903

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH19OT_03 Tổ Thi 001_DH19OT_03 Tên CBGD Nguyễn Huy Bích
Ngày Thi 14/01/2021 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 03

Ngày 10 Tháng 3 Năm 2021

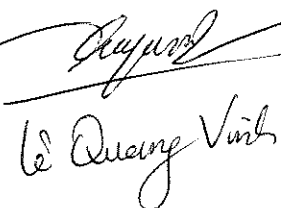
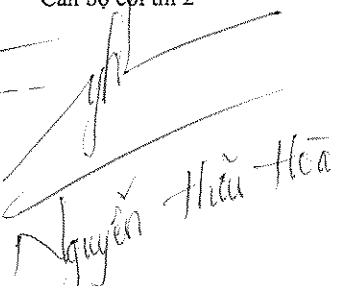
Cán bộ coi thi 1

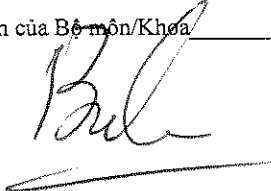
Cán bộ coi thi 2

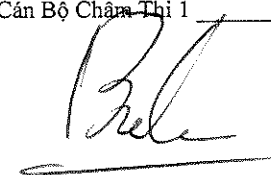
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Vinh

Nguyễn Hữu Hòa


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01904

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ lưu chất(207202)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_03**

Tổ Thi **002_DH19OT_03**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT	<i>Nguyễn</i>		7	6	0.5	2.8	001●345678910	01234567●9
2	19154107	Đình Minh Nhật	DH19OT	<i>Đình</i>		9	7	5.0	6.0	0012345●78910	●123456789
3	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT	<i>Trương</i>		9	4	4.0	4.5	00123●5678910	01234●6789
4	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT	<i>Nhị</i>		9	2	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
5	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT	<i>Như</i>		2	4	1.0	2.5	001●345678910	01234●6789
6	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT	<i>Như</i>		7	10	7.5	8.2	001234567●910	01●3456789
7	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT	<i>Phạm</i>		9	9	4.5	6.3	0012345●78910	012●456789
8	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT	<i>Lưu</i>		9	6	4.0	5.1	001234●678910	0●23456789
9	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT	<i>Phu</i>		9	3	1.5	2.7	001●345678910	0123456●89
10	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT	<i>Quang</i>		9	2	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
11	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK	<i>Trương</i>		9	9	6.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
12	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT	<i>Quyết</i>		9	8	4.0	5.7	001234●678910	0123456●89
13	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT	<i>Sang</i>		9	5	5.0	5.4	001234●678910	0123●56789
14	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT	<i>Sỹ</i>		9	3	2.0	3.0	0012●45678910	●123456789
15	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK	<i>Tâm</i>		9	6	4.0	5.1	001234●678910	0●23456789
16	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT	<i>Thái</i>		9	8	4.0	5.7	001234●678910	0123456●89



Mã nhận dạng 01904

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_03

Tổ Thi 002_DH19OT_03

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	th		9	8	6.0	6.9	0012345678910	0123456789
18	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT	th		9	3	3.0	3.6	0012345678910	0123456789
19	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT	th		9	4	3.5	4.2	0012345678910	0123456789
20	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT	th		9	3	4.0	4.2	0012345678910	0123456789
21	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT	th		9	8	5.0	6.3	0012345678910	0123456789
22	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT	th		9	6	3.5	4.8	0012345678910	0123456789
23	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT	th		9	6	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
24	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT	th		7	5	0.5	2.5	0012345678910	0123456789
25	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT	th		7	7	1.0	3.4	0012345678910	0123456789
26	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT	th		9	6	1.5	3.6	0012345678910	0123456789
27	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT	th		7	3	1.5	2.5	0012345678910	0123456789
28	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT	th		9	7	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
29	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT	th		9	8	5.5	6.6	0012345678910	0123456789
30	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT	th		9	6	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
31	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT	th		9	3	2.5	3.3	0012345678910	0123456789
32	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT	th		7	6	1.5	3.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01904

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_03

Tổ Thi 002_DH19OT_03

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT			7	3	1.0	1.9	00000000000000000000	000000000000000000
34	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			9	8	9.0	8.7	00000000000000000000	000000000000000000
35	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			9	4	4.5	4.8	00000000000000000000	000000000000000000
36	16138093	Trần Quốc	DH16TD							00000000000000000000	000000000000000000
37	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			9	6	6.0	6.3	00000000000000000000	000000000000000000
38	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			9	3	6.0	5.4	00000000000000000000	000000000000000000
39	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			9	8	5.5	6.6	00000000000000000000	000000000000000000
40	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT			7	7	2.5	4.3	00000000000000000000	000000000000000000

Số sinh viên dự thi 39 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 11/12/2020



Mã nhận dạng 01905

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 001_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC							00012345678910	0123456789
2	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT	<i>Bình</i>		7	4	1.0	2.5	00012345678910	0123456789
3	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT	<i>Thành</i>		7	7	3.0	4.6	00012345678910	0123456789
4	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT	<i>Danh</i>		9	7	2.0	4.2	00012345678910	0123456789
5	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT	<i>Dầu</i>		9	4	8.5	7.2	00012345678910	0123456789
6	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT	<i>Dương</i>		9	8	3.0	5.1	00012345678910	0123456789
7	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT	<i>Dương</i>		9	7	3.5	5.1	00012345678910	0123456789
8	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT	<i>Đức</i>		9	9	3.5	5.7	00012345678910	0123456789
9	19154028	Nguyễn Văn Hữu	DH19OT	<i>Hữu</i>		7	6	6.5	6.4	00012345678910	0123456789
10	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT	<i>Hà</i>		9	8	8.5	8.4	00012345678910	0123456789
11	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT	<i>Hân</i>		9	2	1.5	2.4	00012345678910	0123456789
12	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT	<i>Hân</i>		9	4	2.0	2.1	00012345678910	0123456789
13	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT	<i>Hậu</i>		9	5	2.0	2.4	00012345678910	0123456789
14	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT	<i>Hiền</i>		9	6	4.0	5.1	00012345678910	0123456789
15	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT	<i>Hiệp</i>		9	8	3.0	5.1	00012345678910	0123456789
16	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT	<i>Hiếu</i>		9	6	3.5	4.8	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01905

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 001_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154048	Trần Hòa	DH19OT			9	8	6.5	7.2	00123456●8910	01●3456789
18	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							0012345678910	0123456789
19	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			9	6	3.0	4.5	00123●5678910	01234●6789
20	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT							0012345678910	0123456789
21	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	DH19OT			9	7	3.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
22	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			9	9	5.0	6.6	0012345●78910	012345●789
23	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT			9	8	3.0	5.1	001234●678910	0●23456789
24	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			9	5	8.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
25	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			9	5	4.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
26	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			9	6	7.0	6.9	0012345●78910	012345678●
27	17118046	Trần Khải	DH17CK			9	4	5.0	5.1	001234●678910	0●23456789
28	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			9	5	6.0	6.0	0012345●78910	●123456789
29	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
30	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
31	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
32	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			9	4	1.0	2.7	001●345678910	0123456●89

Mã nhận dạng 01905

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 001_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			9	7	9.5	3.3	00012045678910	0120456789
34	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT			9	5	5.0	5.4	00012340678910	0123056789
35	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT					/	/	00012345678910	0123456789
36	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT					/	/	00012345678910	0123456789
37	19154084	Ngô Minh Lê	DH19OT					/	/	00012345678910	0123456789
38	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT			9	3	0.0	1.8	0002345678910	0123456709
39	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			9	4	4.5	4.8	00012305678910	0123456709
40	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			9	3	4.0	4.2	00012305678910	0103456789
41	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			9	2	2.0	2.1	00010345678910	0023456789
42	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK					/	/	00012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Nguyễn Đức

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01906

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154101	Dương Trọng	Ngôn	DH19OT	Ngôn	9	6	1.5	3.6	00012345678910	0123456789
2	19154105	Nguyễn Xuân	Nhân	DH19OT	Nhân	10	5	3.0	4.3	00012345678910	0123456789
3	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	DH17OT	Nhật	9	5	1.0	3.0	00012345678910	0123456789
4	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	DH19OT	Nguyễn	9	7	1.5	3.9	00012345678910	0123456789
5	19154114	Hồ Thanh	Phú	DH19OT	Phú	9	3	5.0	4.8	00012345678910	0123456789
6	19154118	Não Hoài	Phúc	DH19OT	Phúc	9	6	3.0	4.5	00012345678910	0123456789
7	19154122	Trần Lê Hữu	Phước	DH19OT	Phước	9	7	3.0	4.8	00012345678910	0123456789
8	19154123	Phạm Minh	Phương	DH19OT	Phương	9	4	1.0	2.7	00012345678910	0123456789
9	19154127	Nguyễn Văn	Quý	DH19OT	Quý	9	7	2.5	4.5	00012345678910	0123456789
10	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	Sang	DH19OT	Sang	9	3	2.0	3.0	00012345678910	0123456789
11	19154131	Lê Hoàng	Son	DH19OT	Son	9	5	2.5	3.9	00012345678910	0123456789
12	19154134	Nguyễn Văn	Tài	DH19OT	Tài	9	2	3.0	3.3	00012345678910	0123456789
13	19154136	Phạm Văn	Tân	DH19OT	Tân	9	4	3.5	4.2	00012345678910	0123456789
14	19154137	Huỳnh Anh	Tấn	DH19OT	Tấn	9	6	6.5	6.6	00012345678910	0123456789
15	19154145	Hồ Phan Long	Thành	DH19OT	Thành	9	4	2.5	3.6	00012345678910	0123456789
16	19154146	Lê Thiện	Thành	DH19OT	Thiện	9	3	3.5	3.9	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01906

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			9	5	7.5	6.9	0012345678910	0123456789
18	19154151	Trần Trí	DH19OT			9	4	6.0	5.7	0012345678910	0123456789
19	19154141	Nguyễn Quốc	DH19OT			7	4	4.0	4.3	0012345678910	0123456789
20	19154154	Lê Danh	DH19OT			9	3	2.0	1.8	0012345678910	0123456789
21	19154158	Trần Hữu	DH19OT			9	6	2.0	3.9	0012345678910	0123456789
22	17118107	Bá Duy	DH17CK			9	4	2.5	3.6	0012345678910	0123456789
23	17118108	Nguyễn Chí	DH17CK			9	2	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
24	19118235	Trần Thành	DH19CC			9	2	1.5	2.4	0012345678910	0123456789
25	19154166	Huỳnh Công	DH19OT			9	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
26	19154170	Hoàng Ngọc	DH19OT			9	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
27	19154900	Nguyễn Huy	DH19OT			9	6	1.5	3.6	0012345678910	0123456789
28	19118245	Nguyễn Văn	DH19CC			9	5	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
29	19154172	Nguyễn Tiến	DH19OT			9	4	3.5	4.2	0012345678910	0123456789
30	19154173	Trần Hải	DH19OT			9	4	1.5	3.0	0012345678910	0123456789
31	19154174	Nguyễn Văn	DH19OT			9	5	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
32	19154176	Nguyễn Lập	DH19OT			9	5	4.0	4.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01906

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 14/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT							0012345678910	0123456789
34	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			9	6	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
35	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			9	5	2.5	3.9	0012345678910	0123456789
36	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			7	3	2.0	1.6	0012345678910	0123456789
37	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			9	5	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
38	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			9	3	4.5	4.5	0012345678910	0123456789
39	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			9	2	1.0	2.1	0012345678910	0123456789
40	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			9	7	3.5	5.1	0012345678910	0123456789
41	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			9	7	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
42	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			9	7	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
43	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			9	6	4.5	5.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 42. Số sinh viên vắng ...

Ngày 10 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

N.V. Kiệp

Cán Đức Lý

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01930

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Bơm quạt máy nén(207401)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			8.0	8.0	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
3	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			7.0	8.0	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
4	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
5	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			8.0	8.5	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
6	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			7.0	9.0	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
7	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			8.0	9.0	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
8	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
9	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
10	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			8.0	9.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
11	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			10.0	9.0	10.0	9.7	0012345678910	0123456789
12	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
13	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			9.0	9.0	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
14	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			7.0	6.0	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
15	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
16	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			9.0	8.0	9.5	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01930

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Bơm quạt máy nén(207401)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

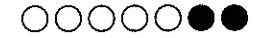
Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL	<i>huỳnh</i>		7.0	8.0	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
18	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		8.0	8.5	9.0	8.7	0012345678910	0123456789
19	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		8.0	8.5	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
20	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>phong</i>		8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
21	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	<i>phong</i>		8.0	9.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
22	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL	<i>anh</i>		7.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
23	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>quy</i>		9.0	9.0	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
24	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL	<i>tan</i>		7.0	8.0	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
25	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL	<i>thien</i>		8.0	9.0	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
26	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL	<i>tho</i>		9.0	9.0	9.0	9.0	0012345678910	0123456789
27	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL	<i>tri</i>		8.0	8.5	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
28	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL	<i>truc</i>		9.0	8.5	9.0	8.9	0012345678910	0123456789
29	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			0.0	0.0	0.0	0.0	0012345678910	0123456789
30	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL	<i>trung</i>		8.0	9.0	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
31	18137047	Hồ Nguyễn Phi Trường	DH18NL	<i>truong</i>		8.0	9.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
32	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL	<i>yen</i>		8.0	9.0	8.5	8.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01930

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Bơm quạt máy nén(207401)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ...91 Số sinh viên vắng ...1...

Ngày 01 Tháng 02 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01931

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL				4.0	9	7.5	00123456●8910	01234●6789
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL				6.0	8	7.4	00123456●8910	0123●56789
3	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL				5.0	6	5.7	001234●678910	0123456●89
4	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL				4.0	8	6.8	0012345●78910	01234567●9
5	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL				7.0	9	8.4	001234567●910	0123●56789
6	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL				4.0	7	6.1	0012345●78910	0●23456789
7	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL				2.0	8	6.2	0012345●78910	01●3456789
8	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL				9.0	9	9.0	0012345678●10	●123456789
9	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL				3.0	6	5.1	001234●678910	0●23456789
10	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL				5.0	8	7.1	00123456●8910	0●23456789
11	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL				5.0	8	7.1	00123456●8910	0●23456789
12	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL				6.0	8	7.4	00123456●8910	0123●56789
13	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL				8.0	8.5	8.4	001234567●910	0123●56789
14	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL				4.0	5.0	4.7	00123●5678910	0123456●89
15	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL				7.0	6.0	6.3	0012345●78910	012●456789
16	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL				3.0	6.5	5.5	001234●678910	01234●6789



Mã nhận dạng 01931

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL					4.0	7.5	6.5	0012345●7891001234●6789
18	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL					8.0	6.0	6.6	0012345●78910012345●789
19	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL					8.0	7.0	7.3	00123456●8910012●456789
20	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL					5.0	6.0	5.7	001234●6789100123456●89
21	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL					7.0	7.5	7.4	00123456●89100123●56789
22	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL								00123456789100123456789
23	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL					6.0	7.5	7.1	00123456●89100●23456789
24	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL					4.0	7.5	6.5	0012345●7891001234●6789
25	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL					3.0	6.5	5.5	001234●67891001234●6789
26	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL					7.0	4.0	4.9	00123●5678910012345678●
27	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL					4.0	8.5	7.2	00123456●891001●3456789
28	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL					6.0	8.5	7.8	00123456●891001234567●9
29	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL					8.0	6.0	6.6	0012345●78910012345●789
30	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL					3.0	9.0	7.2	00123456●891001●3456789
31	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL					7.0	8.0	7.7	00123456●89100123456●89
32	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL					6.0	7.5	7.1	00123456●89100●23456789



Mã nhận dạng 01931

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL					3.04.0	3.7	0012345678910	0123456789
34	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL					4.08.0	6.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33. Số sinh viên vắng 1....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Phan Minh Hieu

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Ty

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01932

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			8.0	7.0	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			8.0	8.0	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			7.0	8.0	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
6	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			7.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
8	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
9	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			8.0	9.0	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
10	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
11	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
12	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			8.0	8.0	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
13	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
14	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			7.0	7.0	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
15	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
16	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			7.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01932

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL			2.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
18	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
19	17137026	PhanPhước	DH17NL			6.0	2.0	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
20	17137027	Từ Minh	DH17NL			2.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
21	17137022	Huỳnh Nhựt	DH17NL			2.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
22	17137028	Nguyễn	DH17NL			6.0	2.0	7.5	7.1	0012345678910	0123456789
23	17137032	Trần Minh	DH17NL			6.0	2.0	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
24	17137033	Phan Đình	DH17NL			2.0	2.0	2.0	2.0	0012345678910	0123456789
25	17137030	Phạm Phi	DH17NL			8.0	2.0	2.0	7.2	0012345678910	0123456789
26	17137034	Đỗ Thích	DH17NL			2.0	2.0	2.5	2.3	0012345678910	0123456789
27	17137035	Đặng Quốc	DH17NL			2.0	2.0	2.0	2.0	0012345678910	0123456789
28	17137036	Nguyễn Đăng	DH17NL			6.0	8.0	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
29	14138016	Phạm Đăng	DH14TD			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
30	17137037	Nguyễn Tuấn	DH17NL			2.0	2.0	2.0	2.0	0012345678910	0123456789
31	17137040	Hồ Quốc	DH17NL			2.0	2.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
32	17137041	Hồ Thanh	DH17NL			2.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01932

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			7.0	7.0	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
34	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			7.0	7.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
35	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
36	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
37	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL			7.0	7.0	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
38	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			7.0	7.0	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
39	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			7.0	7.0	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
40	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
41	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			7.0	6.0	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
42	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
43	17137058	Ngô Thành Quí	DH17NL			7.0	7.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
44	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
45	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
46	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL			8.0	9.0	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
47	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL			8.0	7.0	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
48	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01932

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL			2.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
50	17137067	Nguyễn Công Thúc	DH17NL			2.0	2.0	2.5	7.3	0012345678910	0123456789
51	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			2.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
52	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL			2.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
53	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			8.0	2.0	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
54	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			6.0	2.0	2.5	7.1	0012345678910	0123456789
55	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Vân	DH17NL			8.0	2.0	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
56	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			6.0	6.0	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
57	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL			6.0	6.0	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
58	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL			8.0	9.0	9.5	9.1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5 Số sinh viên vắng 0

Ngày 01 Tháng 03 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

N. V. Kiệp

Nguyễn Thanh Dũng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

Môn học - Nhóm: Thiết bị lạnh (207416) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			9		7	7.8	○○○123456●8910	○1234567●9
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			9		8	8.4	○○○1234567●910	○123●56789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			9		9	9.0	○○○12345678●910	●123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			9		6	7.2	○○○123456●8910	○1●3456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			9		6	7.2	○○○123456●8910	○1●3456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			9		6	7.2	○○○123456●8910	○1●3456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			9		4	6.0	○○○12345●78910	●123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC			9		9	9.0	○○○12345678●910	●123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			9		6	7.2	○○○123456●8910	○1●3456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			8		7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			9		3	5.4	○○○1234●5678910	○123●56789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			9		4	6.0	○○○12345●78910	●123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			9		6	7.2	○○○123456●8910	○1●3456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			9		5	6.6	○○○12345●78910	○12345●789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			9		9	9.0	○○○12345678●910	●123456789

Số lượng vắng:
Cán bộ coi thi 1

Hiện diện:
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Trần Phú

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			0		7	5.6	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			10		9	9.2	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
8	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			0		7	5.6	0012345678910	0123456789
9	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
10	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			5		7	6.6	0012345678910	0123456789
11	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
12	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
13	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
14	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
15	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
16	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
18	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
19	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
20	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
21	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
22	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
23	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
24	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
25	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
26	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
27	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
28	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
29	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			0		7	5.6	0012345678910	0123456789
30	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
31	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
32	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
34	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
35	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
36	18138050	HỨA Phước Lợi	DH18TD			0		7	5.6	0012345678910	0123456789
37	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			10		9	9.2	0012345678910	0123456789
38	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
39	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
40	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
41	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
42	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
43	18138062	Trần Phát	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
44	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			5		7	6.6	0012345678910	0123456789
45	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
46	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
47	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
48	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
50	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
51	18138072	Lê Tấn Quí	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
52	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
53	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
54	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
55	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
56	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
57	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD							0012345678910	0123456789
58	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
59	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
60	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
61	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
62	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
63	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
64	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			0		7	5.6	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			10		6	6.8	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
66	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			10		6	6.8	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
67	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			10		7	7.6	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Cán bộ chấm thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Trần Phú



Mã nhận dạng 01968

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi

001_DH17OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **19/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT				7,0	9,0	8,0	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT				8,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
3	17154004	Nguyễn Ngọc Đoàn Anh	DH17OT				8,2	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
4	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT				7,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
5	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT				7,4	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
6	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
7	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT				8,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	17154022	Đình Nguyễn Đình Duy	DH17OT				6,8	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
9	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT				8,2	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
10	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
11	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT				7,8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
12	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT				8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
13	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT				7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
14	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
15	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT				7,2	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
16	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01968

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi **001_DH17OT_02**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
18	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT				6,8	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
19	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
20	17154024	Phạm Văn	DH17OT				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
21	17154025	Hồ Việt	DH17OT				7,8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
22	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc	DH17OT				7,4	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
23	17154027	Lê Hồng	DH17OT				7,8	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
24	17154029	Phan Thanh	DH17OT				8,4	5,0	6,7	0012345678910	0123456789
25	17154030	Lê Quang	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
26	17154032	Lê Huy	DH17OT				6,8	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
27	17154033	Ngô Minh	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
28	17154034	Nguyễn Tấn	DH17OT				8,4	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
29	17154035	Nguyễn Thanh	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
30	17154036	Hà Quang	DH17OT				7,8	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
31	17154038	Lê Tuấn	DH17OT				8,2	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
32	17154039	Phạm Hoàng	DH17OT				8,2	7,0	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01968

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi **001_DH17OT_02**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT				6,8	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
34	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT				8,2	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
35	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT				6,8	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
36	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT				7,0	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
37	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT				8,3	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
38	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
39	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT				7,2	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
40	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT				7,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
41	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT				8,6	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
42	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT				8,2	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
43	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT				8,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
44	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT				7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
45	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT				6,8	6,0	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01968

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 45 Số sinh viên vắng 5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

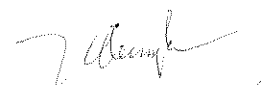
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Trí


N.V. Kiệp


Nguyễn Trịnh Nguyễn


Lê Quang Trí



Mã nhận dạng 01969

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi **002_DH17OT_02**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT				7,4	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
2	17154061	Phan Thị Hoài	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
3	17154062	Hồ Tấn	DH17OT				7,8	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
4	17154063	Lê Hoài	DH17OT				7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
5	17154064	Nguyễn Thành	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
6	17154067	Nguyễn Văn	DH17OT				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
7	17154069	Lê Văn Tấn	DH17OT				8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
8	17154070	Nguyễn Thanh	DH17OT				7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
9	17154071	Trần Huỳnh	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
10	17154073	Đặng Hữu	DH17OT				8,2	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
11	17154075	Cao Việt	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
12	17154074	Đỗ Trung	DH17OT				7,6	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
13	17154078	Lê Thanh	DH17OT				6,8	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
14	17154079	Nguyễn Hồng	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
15	17154080	Nguyễn Văn	DH17OT				6,8	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
16	17154082	Võ Hoàng	DH17OT				8,2	8,0	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01969

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi **002_DH17OT_02**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **19/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT				7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
18	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT				7,4	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
19	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT				7,4	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
20	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT				7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
21	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT				7,6	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
22	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
23	17154094	Huỳnh Phước Thạnh	DH17OT				7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
24	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT				7,4	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
25	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT				6,8	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
26	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT				8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
27	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT				8,2	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
28	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT				8,2	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
29	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT				7,2	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
30	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT				7,2	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
31	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT				6,8	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
32	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT				8,2	7,5	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01969

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT				6,8	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
34	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT				8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
35	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT				7,2	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
36	17154110	Lê Thị Thảo	DH17OT				8,6	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
37	18454011	Lê Sỹ Đình	LT18OT				8,0	0,0	4,2	0012345678910	0123456789
38	17154112	Trần Nguyễn Xuân	DH17OT				8,4	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
39	17154113	Võ Thương	DH17OT				7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
40	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT				7,4	0,0	3,7	0012345678910	0123456789
41	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT				7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
42	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT				7,6	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
43	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT				7,8	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
44	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT				8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
45	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT				7,8	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
46	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT				7,4	6,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01969

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kiểm định và chẩn đoán Ôtô(207710)** Số Tín Ch 3
Nhóm Thi **DH17OT_02** Tổ Thi **002_DH17OT_02** Tên CBGD **Lê Quang Trí**
Ngày Thi **19/01/2021** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 46. Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

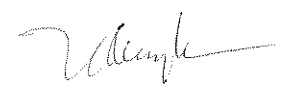
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Khien


Bui Cong Hoa


Nguyễn Trinh Nguyễn


Lê Quang Trí



Mã nhận dạng 01970

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			10	8,4	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT			10	8,8	1,0	5,1	0012345678910	0123456789
3	17154004	Nguyễn Ngọc Đoàn	DH17OT			10	8,1	5,3	7,1	0012345678910	0123456789
4	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT			10	7,5	4,8	6,7	0012345678910	0123456789
5	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT			10	8,3	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
6	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT							0012345678910	0123456789
7	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT			10	7,6	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
8	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			10	8,1	2,0	5,4	0012345678910	0123456789
9	17154010	Vũ Trọng Nguyên	DH17OT							0012345678910	0123456789
10	17154022	Đinh Nguyễn Đình Duy	DH17OT			10	7,2	3,8	6,1	0012345678910	0123456789
11	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			10	7,5	5,3	6,8	0012345678910	0123456789
12	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			10	8,3	6,3	7,6	0012345678910	0123456789
13	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT			10	8,1	4,5	6,7	0012345678910	0123456789
14	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			10	6,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
15	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			10	7,6	3,8	6,2	0012345678910	0123456789
16	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			10	7,4	4,8	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01970

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

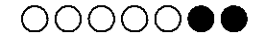
Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154016	Nguyễn Khoa	Điện	DH17OT		10	7,4	4,3	4,3	0012345678910	0123456789
18	17154017	Nguyễn Thành	Đô	DH17OT		10	8,5	5,5	7,3	0012345678910	0123456789
19	17154019	Nguyễn Hữu	Đức	DH17OT		10	6,8	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
20	17154021	Trần Minh	Đức	DH17OT		10	7,5	4,8	6,7	0012345678910	0123456789
21	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	Giang	DH17OT		10	7,8	5,8	7,3	0012345678910	0123456789
22	17154024	Phạm Văn	Giàu	DH17OT		10	7,1	4,8	5,0	0012345678910	0123456789
23	17154025	Hồ Việt	Hải	DH17OT		10	6,3	2,0	4,9	0012345678910	0123456789
24	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc	Hải	DH17OT		10	8,4	5,0	7,0	0012345678910	0123456789
25	17154027	Lê Hồng	Hiếu	DH17OT		10	7,5	6,3	7,4	0012345678910	0123456789
26	17154029	Phan Thanh	Hiếu	DH17OT		10	8,6	4,0	6,6	0012345678910	0123456789
27	17154030	Lê Quang	Hoan	DH17OT		10	6,8	4,3	6,2	0012345678910	0123456789
28	17154032	Lê Huy	Hoàng	DH17OT		10	7,2	3,8	6,1	0012345678910	0123456789
29	17154033	Ngô Minh	Hoàng	DH17OT		10	8,0	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
30	17154034	Nguyễn Tấn	Hùng	DH17OT		10	6,5	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
31	17154035	Nguyễn Thanh	Hùng	DH17OT		10	7,8	4,8	5,2	0012345678910	0123456789
32	17154036	Hà Quang	Huy	DH17OT		10	8,0	6,0	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01970

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD305

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			10	7,1	2	7,1	0012345678910	0123456789
34	17154039	Phạm Hoàng	DH17OT			10	6,5	4,3	6,1	0012345678910	0123456789
35	17154040	Phạm Văn	DH17OT			10	7,5	4,8	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Văn Hiến

Nguyễn Trọng Nghĩa

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lê Quang Trí



Mã nhận dạng 01971

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT			10	6,6	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
2	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			10	4,2	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
3	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			10	7,0	3,8	6,0	0012345678910	0123456789
4	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			10	7,6	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
5	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			10	6,4	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
6	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			10	7,5	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
7	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			10	6,5	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
8	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			10	8,2	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
9	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			10	8,0	4,0	6,4	0012345678910	0123456789
10	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			10	7,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
11	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			10	8,0	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
12	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT			10	6,8	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT			10	7,1	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
14	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT			10	6,6	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
15	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT			10	8,0	3,3	6,1	0012345678910	0123456789
16	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT			10	5,6	3,3	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01971

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
18	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT			10	6,2	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
19	17154069	Lê Văn Tấn	DH17OT			10	9,0	5,8	7,6	0012345678910	0123456789
20	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT			10	7,8	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
21	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT			10	6,4	1,5	4,7	0012345678910	0123456789
22	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT			10	8,6	5,3	7,2	0012345678910	0123456789
23	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT			10	7,8	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
24	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT			10	6,0	1,3	4,5	0012345678910	0123456789
25	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT			10	5,4	0,8	4,0	0012345678910	0123456789
26	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT			10	7,6	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
27	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT			10	7,0	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
28	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT			10	5,7	1,3	4,4	0012345678910	0123456789
29	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT			10	4,7	2,0	4,4	0012345678910	0123456789
30	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT			10	6,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
31	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT			10	7,7	2,0	5,2	0012345678910	0123456789
32	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT			10	6,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01971

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			10	6,1	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
34	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT			10	8,0	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
35	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			10	5,7	2,0	4,7	0012345678910	0123456789
36	17154094	Huỳnh Phước Thanh	DH17OT			10	7,3	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
37	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			10	6,3	0,5	4,3	0012345678910	0123456789
38	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT			10	5,3	0,8	4,2	0012345678910	0123456789
39	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT			10	7,1	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
40	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			10	6,3	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
41	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT			10	7,0	3,8	6,0	0012345678910	0123456789
42	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT			10	7,6	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
43	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT			10	7,5	0,8	4,7	0012345678910	0123456789
44	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT			10	7,0	3,0	5,6	0012345678910	0123456789
45	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT			10	7,5	3,3	5,9	0012345678910	0123456789
46	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT			10	7,0	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
47	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT			10	7,5	4,8	6,7	0012345678910	0123456789
48	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT			10	7,8	4,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01971

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết Ôtô(207712)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT			10	8,2	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
50	17154110	Lê Thị Thảo	DH17OT			10	7,5	3,8	6,2	0012345678910	0123456789
51	17154112	Trần Nguyễn Xuân	DH17OT			10	6,7	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
52	17154113	Võ Thương	DH17OT			10	7,5	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
53	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT			10	6,5	3,8	5,9	0012345678910	0123456789
54	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			10	6,5	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
55	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT			10	5,4	4,3	5,8	0012345678910	0123456789
56	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT			10	8,5	7,0	8,1	0012345678910	0123456789
57	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT			10	4,5	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
58	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT			10	7,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
59	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT			10	7,5	2,0	5,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020
Lê Quang Trí

Cao Đức Lợi

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lê Quang Trí



Mã nhận dạng 01067

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ôtô (207725) - 02

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
2	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT						7,9	0012345678910	0123456789
3	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT						8,1	0012345678910	0123456789
4	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
5	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT						7,3	0012345678910	0123456789
6	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT						9,3	0012345678910	0123456789
7	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT						7,2	0012345678910	0123456789
8	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT						7,6	0012345678910	0123456789
9	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT						7,9	0012345678910	0123456789
10	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
11	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
12	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT						8,9	0012345678910	0123456789
13	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
14	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789
15	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT						7,1	0012345678910	0123456789
16	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT						8,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01067

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 02

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154094	Huỳnh Phước Thanh	DH17OT						6,9	0012345678910	0123456789
18	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT						7,4	0012345678910	0123456789
19	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789
20	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT						6,8	0012345678910	0123456789
21	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT						6,9	0012345678910	0123456789
22	17154112	Trần Nguyễn Xuân Trường	DH17OT						9,0	0012345678910	0123456789
23	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT						7,9	0012345678910	0123456789
24	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT						8,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Nguyễn Trinh Nguyễn

Cán bộ chấm thi 1

Lê Quang Trí

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 05

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
2	17154010	Vũ Trọng Nguyên Cương	DH17OT						/	0012345678910	0123456789
3	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
4	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789
5	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT						6,7	0012345678910	0123456789
6	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789
7	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT						6,8	0012345678910	0123456789
8	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789
9	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT						8,8	0012345678910	0123456789
10	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789
11	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
12	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT						7,9	0012345678910	0123456789
13	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						6,8	0012345678910	0123456789
14	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT						7,3	0012345678910	0123456789
15	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789
16	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 05

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT						7,2	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT						7,5	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT						8,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT						7,5	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT						8,4	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT						8,0	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT						7,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyễn


 Lê Quang Thi



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 06

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789
2	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
3	17154022	Đinh Nguyễn Đình Duy	DH17OT						8,5	0012345678910	0123456789
4	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
5	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT						8,4	0012345678910	0123456789
6	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT						7,3	0012345678910	0123456789
7	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
8	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
9	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
10	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT						7,6	0012345678910	0123456789
11	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT						8,5	0012345678910	0123456789
12	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
13	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789
14	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789
15	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
16	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT						7,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 06

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
18	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT						8,1	0012345678910	0123456789
19	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT						7,6	0012345678910	0123456789
20	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Cán bộ chấm thi 1

Lê Quang Trí

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 01070

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 07

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
2	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT						8,1	0012345678910	0123456789
3	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
4	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT						8,4	0012345678910	0123456789
5	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
6	17154023	Nguyễn Hoàng Trường Giang	DH17OT						8,4	0012345678910	0123456789
7	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
8	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT						8,4	0012345678910	0123456789
9	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT						8,9	0012345678910	0123456789
10	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
11	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT						7,9	0012345678910	0123456789
12	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
13	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT						9,3	0012345678910	0123456789
14	17154057	Trần Văn Hoài	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
15	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT						7,6	0012345678910	0123456789
16	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01070

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập truyền động ô tô (207725) - 07

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT						8,1	0012345678910	0123456789
18	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
19	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT						8,4	0012345678910	0123456789
20	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT						8,9	0012345678910	0123456789
21	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT						8,5	0012345678910	0123456789
22	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789
23	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT						8,1	0012345678910	0123456789
24	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT						8,6	0012345678910	0123456789
25	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lê Quang Trí



Mã nhận dạng 01972

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			10	7,5	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			10	7,8	4,8	6,7	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			10	7,0	2,0	5,1	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			10	6,8	0,5	4,3	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			10	7,3	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			10	5,8	1,8	4,7	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			10	8,5	2,0	6,5	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			10	8,5	4,3	6,7	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			10	8,5	5,8	7,5	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			10	7,8	1,3	5,0	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			10	7,8	2,5	5,6	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			10	8,5	5,5	7,3	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			10	8,3	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT			10	7,5	1,8	5,2	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			10	7,3	1,8	5,1	0012345678910	0123456789
16	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT			10	8,0	1,8	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01972

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			10	7,5	3,0	5,7	0012345678910	0123456789
18	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			10	8,3	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
19	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			10	8,5	1,3	5,2	0012345678910	0123456789
20	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			10	8,5	1,5	5,3	0012345678910	0123456789
21	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			10	8,5	2,0	5,6	0012345678910	0123456789
22	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			10	7,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
23	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			10	7,5	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
24	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			10	7,5	2,8	5,7	0012345678910	0123456789
25	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			10	8,8	5,0	7,1	0012345678910	0123456789
26	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			10	8,5	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
27	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			10	8,3	1,5	5,2	0012345678910	0123456789
28	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			10	7,0	1,0	4,6	0012345678910	0123456789
29	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			10	8,3	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
30	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			10	7,5	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
31	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			10	7,5	2,3	5,4	0012345678910	0123456789
32	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			10	7,8	2,5	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01972



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154047	Nguyễn Hữu Minh	Huy	Huy		10	6,1	0,5	4,1	0012345678910	0123456789
34	18154048	Phạm Trần Gia	Huy	Huy		10	7,5	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
35	18154041	Nguyễn Minh	Hưng	Huy		10	8,5	1,5	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Ngọc

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lê Quang Trí



Mã nhận dạng 01973

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Lý thuyết ô tô(207742)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18OT_02**

Tổ Thi **002_DH18OT_02**

Tên CBGD **Lê Quang Trí**

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hường			10	7,3	1,3	4,8	0012345678910	0123456789
2	18154051	Đình Nhĩ	Khang			10	7,5	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
3	18154052	Trần Chí	Khang			10	6,3	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
4	18154053	Trần Công	Khánh			10	7,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
5	18154054	Thạch Đăng	Khoa			10	8,0	2,0	5,4	0012345678910	0123456789
6	18154056	Cao Trung	Kiên			10	7,0	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
7	18154058	Đỗ Tuấn	Kiệt			10	7,8	2,5	5,6	0012345678910	0123456789
8	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm			10	8,5	2,8	6,0	0012345678910	0123456789
9	18154060	Nguyễn Văn Chí	Lâm			10	8,0	2,3	5,6	0012345678910	0123456789
10	18154061	Chu Phú	Lân			10	8,5	2,5	5,8	0012345678910	0123456789
11	18154063	Nguyễn Xuân	Linh			10	7,0	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
12	18154066	Lưu Kim	Long			10	6,3	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
13	18154068	Phạm Kim	Long			10	6,8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
14	18154064	Nguyễn Văn	Lợi			10	8,0	3,0	5,9	0012345678910	0123456789
15	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam			10	7,3	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
16	18154071	Nguyễn Thế	Nam			10	8,3	4,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01973

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 32%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			10	6,4	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
18	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			10	8,3	1,5	5,2	0012345678910	0123456789
19	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			10	8,8	2,0	5,6	0012345678910	0123456789
20	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			10	7,1	2,8	5,5	0012345678910	0123456789
21	18154077	Nguyễn Thanh Nghiê	DH18OT			10	7,3	1,5	4,9	0012345678910	0123456789
22	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			10	5,4	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
23	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			10	8,5	2,3	5,7	0012345678910	0123456789
24	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			10	8,0	5,3	7,1	0012345678910	0123456789
25	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			10	8,5	1,8	5,5	0012345678910	0123456789
26	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT			10	8,0	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
27	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT			10	8,0	2,5	5,7	0012345678910	0123456789
28	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			10	7,5	2,3	5,4	0012345678910	0123456789
29	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			10	7,0	1,3	4,8	0012345678910	0123456789
30	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			10	7,5	2,3	5,4	0012345678910	0123456789
31	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT			10	8,5	7,0	8,1	0012345678910	0123456789
32	18154096	Quách Thạnh Phú	DH18OT			10	7,8	2,3	5,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01973

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	<i>H. Phúc</i>		10	7,5	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
34	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT	<i>Phúc</i>		10	7,8	5,8	7,2	0012345678910	0123456789
35	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT	<i>Phu</i>		10	7,7	4,3	6,5	0012345678910	0123456789
36	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT	<i>Phu</i>		10	7,5	0,8	4,7	0012345678910	0123456789
37	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT	<i>Qu</i>		10	8,5	1,8	5,5	0012345678910	0123456789
38	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT	<i>Qu</i>		10	8,5	3,0	6,1	0012345678910	0123456789
39	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT	<i>Phu</i>		10	7,5	1,8	5,2	0012345678910	0123456789
40	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT	<i>Son</i>		10	8,8	0,3	4,8	0012345678910	0123456789
41	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT	<i>Phu</i>		10	8,0	1,5	5,2	0012345678910	0123456789
42	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT	<i>Phu</i>		10	7,6	3,8	6,2	0012345678910	0123456789
43	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT	<i>Phu</i>		10	8,8	4,0	6,6	0012345678910	0123456789
44	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT	<i>Phu</i>		10	7,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
45	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT	<i>Phu</i>		10	6,3	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
46	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT	<i>Phu</i>		10	8,0	2,5	5,7	0012345678910	0123456789
47	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT	<i>Phu</i>		10	7,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
48	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT	<i>Phu</i>		10	6,0	2,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01973

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			10	7,0	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
50	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			10	6,5	1,8	4,9	0012345678910	0123456789
51	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			10	7,3	1,5	4,9	0012345678910	0123456789
52	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			10	8,0	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
53	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			10	8,3	2,8	5,9	0012345678910	0123456789
54	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT			10	6,8	3,8	6,0	0012345678910	0123456789
55	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			10	8,3	0,5	4,7	0012345678910	0123456789
56	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			10	8,5	2,0	5,6	0012345678910	0123456789
57	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			10	7,0	1,8	5,0	0012345678910	0123456789
58	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			10	7,8	2,5	5,6	0012345678910	0123456789
59	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			10	6,0	3,3	5,5	0012345678910	0123456789
60	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			10	6,8	4,3	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01973

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết ô tô (207742)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD Lê Quang Trí

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 60. Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

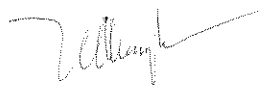
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Trí


Bùi Công Hân


Nguyễn Trịnh Nguyễn


Lê Quang Trí